

SỞ GD&ĐT HÀ TĨNH
KHỐI THPT HUYỆN CẨM XUYỀN
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 767857) Vùng có tỉ lệ dân thành thị lớn nhất nước ta hiện nay là

- A.** Đông Nam Bộ. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: (ID: 767858) Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là

- A.** kết von. **B.** xói mòn. **C.** nhiễm phèn. **D.** rửa trôi.

Câu 3: (ID: 767859) Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A.** Đất phù sa. **B.** Đất phèn. **C.** Đất feralit. **D.** Đất mặn.

Câu 4: (ID: 767860) Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A.** có một số nguồn nước khoáng. **B.** rừng tự nhiên có diện tích lớn.
C. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi. **D.** có mật độ sông ngòi khá cao.

Câu 5: (ID: 767861) Ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển chủ yếu do

- A.** cơ sở hạ tầng phát triển, nhu cầu du khách, có nhiều di tích.
B. chính sách, chất lượng cuộc sống tăng, tài nguyên đa dạng.
C. vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông, mức sống dân cao.
D. tài nguyên đa dạng, hiện đại sân bay, hợp tác với quốc tế.

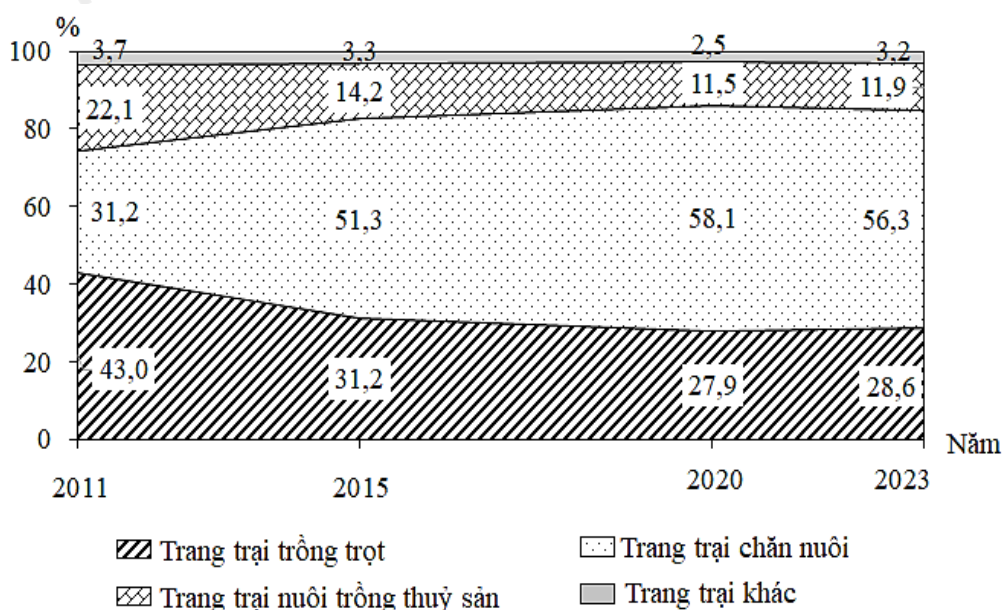
Câu 6: (ID: 767862) Cây công nghiệp lâu năm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có nguồn gốc

- A.** xích đạo và nhiệt đới. **B.** ôn đới và xích đạo. **C.** nhiệt đới và ôn đới. **D.** cận nhiệt và ôn đới.

Câu 7: (ID: 767863) Cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới ở nước ta là

- A.** cà phê, điều. **B.** cà phê, hồi. **C.** chè, tiêu. **D.** chè, quế.

Câu 8: (ID: 767864) Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trại trồng trọt tăng không ổn định.
- B. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trại chăn nuôi giảm mạnh liên tục.
- C. Trại chăn nuôi và trại nuôi trồng thủy sản có tỉ trọng giảm.
- D. Tỉ trọng trại trồng trọt luôn lớn hơn trại nuôi trồng thủy sản.

Câu 9: (ID: 767865) Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ là

- A. sử dụng giống mới, đẩy mạnh sản xuất hợp tác xã.
- B. đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển cây hàng năm.
- C. thu hút đầu tư, đẩy mạnh sản xuất trại lớn.
- D. chuyên canh các cây lâu năm, gắn với chế biến.

Câu 10: (ID: 767866) Điều kiện chủ yếu về mặt tự nhiên để Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè là

- A. khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- B. khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- C. địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- D. nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 11: (ID: 767867) Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của

- A. vị trí gần xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc ưu thế, núi thấp hơn.
- B. gió hướng đông bắc tăng cường, độ cao của địa hình, vị trí địa lí.
- C. vĩ độ địa lí, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.
- D. gió Tây hoạt động mạnh, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu.

Câu 12: (ID: 767868) Loại hình giao thông ở nước ta ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics là

- A. đường ô tô. B. đường biển. C. đường hàng không. D. đường sắt.

Câu 13: (ID: 767869) Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

- A. mặt trời. B. than nâu. C. than đá. D. dầu mỏ.

Câu 14: (ID: 767870) Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô. B. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
C. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. D. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.

Câu 15: (ID: 767871) Ngoại thương nước ta hiện nay

- A. tỷ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô tăng. B. chủ yếu nhập khẩu máy móc và thiết bị hiện đại.
C. chỉ xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản, da giày. D. thị trường xuất khẩu và nhập khẩu kém đa dạng.

Câu 16: (ID: 767872) Trung tâm du lịch cấp quốc gia ở nước ta là

- A. Quảng Ninh. B. Hải Phòng. C. Nha Trang. D. Huế.

Câu 17: (ID: 767873) Tỉnh nào sau đây ở nước ta tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền?

- A. Đắk Lắk. B. Quảng Nam. C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 18: (ID: 767874) Đô thị nước ta hiện nay

- A. chỉ có lao động công nghiệp. B. có sức hút ít đối với đầu tư.
C. có trình độ phát triển hiện đại. D. đóng góp lớn vào tổng GDP.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 767997) Cho bảng số liệu:

**GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia
giai đoạn 2019 – 2022**

(Đơn vị: nghìn đô la Mỹ)

Quốc gia	2019	2020	2021	2022
In-đô-nê-xi-a	30,7	27,2	31,4	37,1
Ma-lai-xi-a	11,1	10,1	11,1	12,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
b) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a tăng liên tục.
c) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a có sự chênh lệch chủ yếu do sự khác biệt về quy mô nền kinh tế và tổng số dân.
d) Biểu đồ tròn là biểu đồ thích hợp nhất để so sánh GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a năm 2019 và 2022.

Câu 2: (ID: 767998) Cho đoạn thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta, nhất là các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Tiêu biểu là cây chè, chiếm hơn 3/4 diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng. Cà phê được trồng ở khu vực Tây Bắc chủ yếu ở Sơn La và Điện Biên.

- a) Cà phê được trồng chủ yếu ở vùng núi cao Tây Bắc.
- b) Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là đẩy mạnh quảng canh, sử dụng tiến bộ kĩ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
- c) Cây chè được trồng theo hướng tập trung chủ yếu do sản xuất theo hướng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- d) Chè là cây công nghiệp quan trọng nhất của trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 3: (ID: 768001) Cho thông tin sau:

Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số và liên quan chặt chẽ đến các hoạt động dịch vụ khác. Mạng lưới viễn thông được mở rộng và phát triển nhanh. Các dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, internet, dịch vụ mạng và các dịch vụ khai thác công nghệ. Số thuê bao điện thoại khá ổn định và số thuê bao internet tăng nhanh. Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới.

- a) Dịch vụ viễn thông đa dạng, số thuê bao điện thoại tăng nhanh trong những năm gần đây.
- b) Nước ta có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh nhất thế giới.
- c) Ngành viễn thông nước ta có sự phát triển vượt bậc chủ yếu do vốn đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ.
- d) Mạng lưới viễn thông nước ta đang phát triển nhanh theo hướng chuyển đổi số.

Câu 4: (ID: 768002) Cho thông tin sau:

Ở miền Bắc, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi bắt đầu từ độ cao khoảng 600 – 700 m đến 2600 m, ở miền Nam từ khoảng 900 – 1000 m đến 2600 m. Khí hậu mát mẻ, tổng nhiệt độ dao động từ 4500°C đến 7500°C, mùa hè mát, mưa nhiều, độ ẩm cao. Do nhiệt độ giảm làm hạn chế quá trình phân hủy chất hữu cơ nên hình thành các loại đất feralit mùn, đất xám mùn trên núi.

- a) Đây là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông - tây.
- b) Khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi mát mẻ, mùa hè nóng và khô.
- c) Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc có độ cao thấp hơn ở miền Nam chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí xa xích đạo, gió mùa Đông Bắc.
- d) Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi thấp hơn đai nhiệt đới gió mùa.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 768004) Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội tại trạm Hà Đông năm 2023

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	28,4	21,5	48,4	79,3	187,0	220,8	275,6	318,6	226,7	181,4	84,9	51,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, tháng mưa nhiều nhất của Hà Nội tại trạm Hà Đông gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị lần).

Câu 24: (ID: 768005) Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2023

Năm	2010	2023
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	2 992,3
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2023 tăng lên bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha)

Câu 25: (ID: 768006) Năm 2021, dân số nước ta là 98,5 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 0,94%. Nếu tỉ lệ gia tăng dân số không đổi, hãy cho biết năm 2026, dân số của nước ta đạt bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

Câu 26: (ID: 768007) Biên độ nhiệt trung bình của Hà Nội năm 2023 là $13,3^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Hà Nội $8,8^{\circ}\text{C}$, tính biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$).

Câu 27: (ID: 768008) Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta là 683 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 32%. Tính giá trị xuất nhập khẩu của Đồng bằng Sông Hồng năm 2023? (làm tròn đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 28: (ID: 768009) Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô và tỉ suất chết thô của nước ta năm 2020 và năm 2023

(Đơn vị: ‰)

Năm	2020	2023
Tỉ suất sinh thô	16,3	14,2
Tỉ suất chết thô	6,1	5,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2023 giảm bao nhiêu % so với năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng thập phân thứ 2 của đơn vị %).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.C	3.A	4.C	5.B	6.D	7.A	8.D	9.D	10.A
11.C	12.B	13.A	14.A	15.B	16.D	17.C	18.D		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào tỉ lệ dân thành thị của nước ta hoặc đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Vùng có tỉ lệ dân thành thị lớn nhất nước ta hiện nay là Đông Nam Bộ. Năm 2021, Đông Nam Bộ có tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước với 66,4%.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm tài nguyên đất ở nước ta.

Cách giải:

Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là nhiễm phèn.

A, B, D sai vì đó đều là các biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở vùng núi nước ta.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng là đất phù sa.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Chọn C.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện giúp thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển chủ yếu do chính sách, chất lượng cuộc sống tăng, tài nguyên đa dạng.

A, C, D sai vì có nhiều di tích, vị trí thuận lợi, tài nguyên đa dạng là các điều kiện tiền đề để phát triển du lịch; không phải là nguyên nhân giúp vùng ngày càng phát triển du lịch.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Cây công nghiệp lâu năm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới vì đây là vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Trong đó, đây là vùng trồng chè lớn nhất cả nước (chè là loại cây công nghiệp cận nhiệt).

Chọn D.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới ở nước ta là cà phê, điều.

B, C, D sai vì hồi, quế là cây dược liệu; chè là cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt.

Chọn A.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Xác định tỉ trọng từng trang trại trong giai đoạn 2011 – 2023 và chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

A sai vì Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại trồng trọt giảm liên tục.

B sai vì Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại chăn nuôi có sự biến động: tăng mạnh trong giai đoạn 2011 – 2020, giai đoạn 2020 - 2023 tỉ trọng trang trại chăn nuôi giảm nhẹ.

C sai vì tỉ trọng trang trại chăn nuôi tăng từ 31,2% (năm 2010 lên 56,3% (năm 2023).

D đúng, tỉ trọng trang trại trồng trọt luôn lớn hơn trang trại nuôi trồng thủy sản.

Chọn D.

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm tự nhiên của vùng đồi núi Bắc Trung Bộ trong phần thể mạnh các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; rút ra giải pháp chủ yếu để khai thác thể mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để khai thác thể mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ là chuyên canh các cây lâu năm, gắn với chế biến. Vùng đồi núi của Bắc trung Bộ có diện tích tương đối rộng, có đất fe-ra-lit thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, hồ tiêu,... Việc chuyên canh giúp tập trung nguồn lực, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Gắn với chế biến giúp tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm, tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm sinh thái cây chè kết hợp với đặc điểm tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào khí hậu cận nhiệt và đất thích hợp. Sự phát triển cây trồng phụ thuộc chủ yếu vào khí hậu và đất đai. Trong đó, chè là cây công nghiệp cận nhiệt và thích hợp trồng trên đất feralit.

B sai vì chè ưa khí hậu cận nhiệt.

C sai vì địa hình phân bậc, nhiều loại đất không phải là điều kiện thuận lợi để trồng chè.

D sai vì giống cây tốt không phải là điều kiện để vùng chuyên môn hoá sản xuất chè.

Chọn A.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện làm cho miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có mùa đông lạnh như miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Cách giải:

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của vĩ độ địa lí, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.

- Vĩ độ địa lí: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nằm ở vĩ độ thấp hơn so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, điều này khiến cho lượng bức xạ mặt trời nhận được nhiều hơn, nhiệt độ trung bình cao hơn.

- Hướng của các dãy núi: các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng tây bắc - đông nam vuông góc với hướng gió mùa Đông Bắc. Điều này làm giảm bớt ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, khiến cho mùa đông ở đây không lạnh bằng miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

- Gió mùa Đông Bắc giảm sút: do vị trí địa lí và hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ bị suy yếu, không còn mang nhiều không khí lạnh. Điều này cũng góp phần làm tăng tính chất nhiệt đới của vùng.

* A sai vì Tín phong bán cầu Bắc không phải là yếu tố chủ đạo gây ra sự khác biệt về tính chất nhiệt đới.

* B sai vì gió đông bắc không tăng cường ở khu vực này, mà bị suy yếu.

* D vì dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu là các yếu tố ảnh hưởng đến lượng mưa, không ảnh hưởng đến chế độ nhiệt của các vùng.

Chọn C.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành vận tải đường biển và liên hệ thực tế.

Cách giải:

Loại hình giao thông ở nước ta ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics là đường biển.

Chọn B.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp điện lực.

Cách giải:

Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là mặt trời.

Than nâu, than đá, dầu mỏ đều là những nguồn tài nguyên không thể tái tạo được.

Chọn A.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, phân sông ngòi.

Cách giải:

Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô. Sông ngòi nước ta có 2 mùa: mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa của khí hậu, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

Chọn A.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta, phần ngành ngoại thương.

Cách giải:

Ngoại thương nước ta hiện nay chủ yếu nhập khẩu máy móc và thiết bị hiện đại.

A sai vì tỷ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô giảm.

C sai vì nước ta còn xuất khẩu nhiều mặt hàng khác như đồ gỗ, hàng điện tử.

D sai vì thị trường xuất, nhập khẩu ngày càng đa dạng do nước ta tham gia vào nhiều tổ chức kinh tế, thương mại thế giới.

Chọn B.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa lãnh thổ du lịch hoặc bản đồ du lịch Việt Nam.

Cách giải:

Trung tâm du lịch cấp quốc gia ở nước ta là Huế.

Quảng Ninh không phải là trung tâm du lịch.

Hải Phòng và Nha Trang là trung tâm du lịch vùng.

Chọn D.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí, bản đồ hành chính Việt Nam.

Cách giải:

Tỉnh Kon Tum tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền là Lào và Cam-pu-chia.

Chọn C.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa nước ta.

Cách giải:

Đô thị nước ta hiện nay đóng góp lớn vào tổng GDP.

A, B, C sai vì đô thị nước ta còn có lao động dịch vụ; có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư do ở đây có cơ sở hạ tầng hiện đại, lao động có chuyên môn, chất lượng cao; các đô thị ở nước ta chưa có trình độ phát triển hiện đại.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	SSĐĐ	SSĐĐ	SSĐĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào bảng số liệu, để biết chậm hay nhanh hơn => dùng phép chia.
- b) Dựa vào bảng số liệu.
- c) Dựa vào công thức tính GDP bình quân đầu người để biết GDP bình quân đầu người phụ thuộc vào những yếu tố nào.
- d) Dựa vào kỹ năng nhận dạng biểu đồ địa lí. Gạch chân từ khóa: GDP bình quân đầu người, năm 2019 và 2022 và lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất.

Cách giải:

- a) Đúng vì GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng: $12,0/11,1 = 1,08$ lần; In-đô-nê-xi-a tăng: $37,1/30,7 = 1,21$ lần => Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
- b) Sai vì Giai đoạn 2019 - 2020, GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a đều giảm.
- c) Đúng vì GDP bình quân đầu người = Tổng GDP/Số dân => GDP bình quân đầu người phụ thuộc vào quy mô nền kinh tế và tổng số dân.
- d) Sai vì biểu đồ cột là biểu đồ thích hợp nhất để so sánh GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a năm 2019 và 2022 (biểu đồ tròn chỉ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu/quy mô và cơ cấu của các đối tượng từ 1 đến 3 năm).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành trồng cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

- a) Sai vì cà phê là loại cây công nghiệp nhiệt đới nên không thích hợp trồng ở vùng núi cao (vùng núi cao có khí hậu lạnh => thích hợp trồng chè)
- b) Sai vì quảng canh là mở rộng diện tích canh tác, không phải là giải pháp tối ưu cho phát triển cây công nghiệp hàng hóa => Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là đẩy mạnh thâm canh, sử dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
- c) Đúng, việc trồng chè tập trung giúp tăng năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu.

d) Đúng, đoạn thông tin có đề cập: "Tiêu biểu là cây chè, chiếm hơn 3/4 diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng".

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và đặc điểm ngành viễn thông nước ta hiện nay.

Cách giải:

- a) Sai vì đoạn thông tin cho biết "Số thuê bao điện thoại khá ổn định".
- b) Sai vì đoạn thông tin cho biết "Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới", không phải là nhanh nhất.
- c) Đúng vì vốn đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành viễn thông.
- d) Đúng, đoạn thông tin cho biết "Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số".

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta.

Cách giải:

- a) Sai vì đoạn thông tin đề cập đến sự phân hóa theo độ cao, không phải theo chiều đông - tây.
- b) Sai vì theo đoạn thông tin, khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có mùa hè mát và mưa nhiều, độ ẩm cao.
- c) Đúng. Vị trí xa xích đạo và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ ở miền Bắc thấp hơn, do đó đai cận nhiệt đới xuất hiện ở độ cao thấp hơn.
- d) Đúng. đai cận nhiệt đới nằm ở độ cao cao hơn, nhiệt độ thấp hơn so với đai nhiệt đới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	14,8	4,5	103	4,5	219	0,17

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Lấy lượng mưa của tháng mưa nhiều nhất chia lượng mưa của tháng mưa ít nhất.

Cách giải:

Năm 2023, so với lượng mưa tháng mưa ít nhất, tháng mưa nhiều nhất của Hà Nội tại trạm Hà Đông gấp:

$$318,6/21,5 = 14,8 \text{ lần}$$

Đáp án: 14,8

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

So với năm 2010, năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2023 tăng lên:

$$(19\ 976,0/2\ 992,3) - (19\ 216,6/3\ 085,9) = 0,45 \text{ tấn/ha} = 4,5 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 4,5

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$D_b = D_a (1 + Tg\%)^{b-a}$$

Trong đó: D_b là dân số năm cần tính

D_a là dân số năm đã biết

Tg là tỉ lệ gia tăng dân số

Cách giải:

Năm 2021, số dân của nước ta là 98,5 triệu người.

=> Số dân vào năm 2025 là:

$$98,5 \times (1 + 0,0094)^{2026 - 2021} = 103 \text{ triệu người.}$$

Đáp án: 103

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Lấy biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội trừ 8,8°C

Cách giải:

Biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 là: $13,3^\circ\text{C} - 8,8^\circ\text{C} = 4,5^\circ\text{C}$

Đáp án: 4,5

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ giá trị thành phần} \times \text{Tổng giá trị})/100$$

Cách giải:

Giá trị xuất nhập khẩu của Đồng bằng Sông Hồng năm 2023 là: $(32 \times 683)/100 = 219 \text{ tỉ USD}$

Đáp án: 219

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = (Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử)/10

Cách giải:

So với năm 2020, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2023 giảm;

$$[(16,3 - 6,1)/10] - [(14,2 - 5,7)/10] = 0,17\%$$

Đáp án: 0,17